

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình
Đường giao thông từ thôn Buồng xã Luận Khê đi thôn Pà Cầu
xã Xuân Lộc, huyện Thường Xuân (Chương trình 30a)**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi một số
điều Luật Xây dựng ngày 28 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4
năm 2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số
10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 quy định chi tiết một số nội dung
về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm
2023 về sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý Nhà
nước của Bộ Xây dựng;*

*Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: Số 1814/QĐ-UBND ngày
22 tháng 5 năm 2020 phê duyệt dự án đầu tư xây dựng; số 4522/QĐ-UBND ngày
22 tháng 10 năm 2020 phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng
công trình; số 150/QĐ-UBND ngày 09 tháng 01 năm 2024 phê duyệt điều chỉnh
thời gian thực hiện dự án; số 519/QĐ-UBND ngày 30 tháng 01 năm 2024 phê
duyet nộp tiền trồng rừng thay thế dự án Đường giao thông từ thôn Buồng xã
Luận Khê đi thôn Pà Cầu xã Xuân Lộc, huyện Thường Xuân;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số
6168/TTr-SGTVT ngày 05 tháng 10 năm 2024 về việc điều chỉnh dự án đầu tư
xây dựng công trình Đường giao thông từ thôn Buồng xã Luận Khê đi thôn Pà
Cầu xã Xuân Lộc, huyện Thường Xuân (kèm theo Báo cáo thẩm định số
6167/SGTVT-TĐKHKT ngày 05 tháng 10 năm 2024); của UBND huyện Thường
Xuân tại Tờ trình số 301/TTr-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2024.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình Đường
giao thông từ thôn Buồng xã Luận Khê đi thôn Pà Cầu xã Xuân Lộc, huyện
Thường Xuân, với những nội dung sau:

1. Khái quát về dự án

Dự án Đường giao thông từ thôn Buồng xã Luận Khê đi thôn Pà Cầu xã Xuân Lộc, huyện Thường Xuân được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt dự án đầu tư xây dựng tại Quyết định số 1814/QĐ-UBND ngày 22/5/2020, phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án tại Quyết định số 150/QĐ-UBND ngày 09/01/2024 với quy mô xây dựng tuyến đường dài 7,77km đảm bảo tiêu chuẩn đường GTNT cấp B (theo TCVN 10380:2014), chiều rộng nền đường $B_n=5m$, mặt đường $B_m=3,5m$, lề đất $B_{ld}=2 \times 0,75m$; vận tốc thiết kế $V_{tk}=20km/h$; tổng mức đầu tư (TMĐT) là **40.398.985.000 đồng**; trong đó:

- Chi phí bồi thường, GPMB: 1.281.000.000 đồng;
- Chi phí xây dựng: 30.262.747.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án: 666.881.000 đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 3.288.709.000 đồng;
- Chi phí khác: 555.089.000 đồng;
- Chi phí dự phòng: 4.344.559.000 đồng.

2. Lý do điều chỉnh

Trong quá trình thi công phải thực hiện chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên sang mục đích thực hiện dự án làm kéo dài thời gian thực hiện dự án; chính sách nhà nước có thay đổi, tăng chi phí giải phóng mặt bằng, tăng giá nguyên nhiên vật liệu và tiền lương nhân công đối với phần khối lượng còn lại chưa thực hiện, làm tăng tổng mức đầu tư của dự án. Vì vậy, để triển khai thực hiện hoàn thành dự án, việc điều chỉnh dự án (điều chỉnh TMĐT; điều chỉnh thời gian thực hiện) là phù hợp và cần thiết.

3. Tổng mức đầu tư sau điều chỉnh: 54.007.000.000 đồng (Năm mươi tư tỷ, không trăm linh bảy triệu đồng); trong đó:

DVT: Đồng

T T	Hạng mục chi phí	TMĐT theo Quyết định số 1814/QĐ-UBND ngày 22/5/2020	TMĐT điều chỉnh	Chênh lệch tăng (+); giảm (-)
1	Chi phí bồi thường GPMB	1.281.000.000	5.561.400.000	4.280.400.000
2	Chi phí xây dựng	30.262.747.000	40.828.600.000	10.565.853.000
3	Chi phí QLDA	666.881.000	899.700.000	232.819.000
4	Chi phí tư vấn đầu tư XD	3.288.709.000	3.322.600.000	33.891.000
5	Chi phí khác	555.089.000	883.000.000	327.911.000
6	Chi phí dự phòng	4.344.559.000	2.511.700.000	-1.832.859.000
	Tổng mức đầu tư	40.398.985.000	54.007.000.000	13.608.015.000

(Chi tiết có phụ lục kèm theo).

- Nguồn vốn tăng thêm: Vốn đầu tư công nguồn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương do tỉnh quản lý

4. Điều chỉnh thời gian thực hiện dự án: “Từ năm 2019 - 2024” thành “Từ năm 2019 - 2025”

5. Các nội dung khác: Giữ nguyên theo Quyết định số 1814/QĐ-UBND ngày 22/5/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- UBND huyện Thường Xuân tổ chức thực hiện theo đúng các quy định hiện hành về đầu tư xây dựng; chịu trách nhiệm trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh theo quy định. Trong bước tiếp theo, UBND huyện Thường Xuân có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Báo cáo thẩm định số 6167/SGTVT-TĐKHKT ngày 05 tháng 10 năm 2024.

- UBND huyện Thường Xuân, Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và Chủ tịch UBND tỉnh về nội dung số liệu, hồ sơ điều chỉnh dự án trình thẩm định, phê duyệt.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm cân đối ngân sách địa phương do tỉnh quản lý để được bố trí vốn cho phân chi phí tăng thêm trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động - Thương binh và xã hội; Giám đốc kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND huyện Thường Xuân và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, VX_{30a24}

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đâu Thanh Tùng

PHỤ LỤC: ĐIỀU CHỈNH TỔNG MỨC ĐẦU TƯ
Dự án: Đường giao thông từ thôn Buồng xã Luện Khê đi thôn Pà Cầu xã Xuân Lộc, huyện Thường Xuân
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: Đồng

STT	Hạng mục chi phí	TMĐT đã phê duyệt	Điều chỉnh TMĐT			Chênh lệch tăng (+), giảm (-)
			Diễn giải	Cập nhật dự toán, chi phí	Giá trị điều chỉnh	
I	Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư	1.281.000.000		5.561.436.000	5.561.400.000	4.280.400.000
1	Bồi thường	1.281.000.000		2.306.666.000	2.306.666.000	1.025.666.000
1,1	Trích đo, lập hồ sơ địa chính		QĐ số 372/QĐ-UBND ngày 05/3/2021 của Chủ tịch UBND huyện Thường Xuân	462.543.000	462.543.000	462.543.000
1,2	Bồi thường, hỗ trợ (cả tổ chức thực hiện và quyết toán kinh phí GPMB)	1.281.000.000	Theo dự toán bồi thường do Ban QLDA ĐTXD huyện Thường Xuân lập	1.844.123.000	1.844.123.000	563.123.000
2	Chuyển mục đích sử dụng rừng			3.254.770.000	3.254.770.000	3.254.770.000
2,1	Khảo sát, đánh giá hiện trạng rừng, lập HS chuyển mục đích SD rừng		QĐ số 854/QĐ-UBND ngày 31/5/2021 của Chủ tịch UBND huyện Thường Xuân	57.608.000	57.608.000	57.608.000
2,2	Nộp tiền trồng rừng thay thế		QĐ số 519/QĐ-UBND ngày 30/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh	3.197.162.000	3.197.162.000	3.197.162.000
II	Chi phí xây dựng	30.262.747.000	Dự toán điều chỉnh	32.753.820.000	40.828.600.000	10.565.853.000
III	Chi phí quản lý dự án	666.881.000	37.116.909.091 x 2,424%	721.775.000	899.700.000	232.819.000
IV	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	3.288.709.000		3.299.651.000	3.322.600.000	33.900.000
1	Khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi	815.495.000	QĐ số 688/QĐ-UBND ngày 26/3/2020 của Chủ tịch UBND huyện Thường Xuân	815.495.000	815.495.000	0
2	Khảo sát bước bản vẽ thi công	800.000.000	QĐ số 1938/QĐ-UBND ngày 08/9/2020 của Chủ tịch UBND huyện Thường Xuân	787.775.000	787.775.000	-12.225.000
3	Lập hồ sơ, cắm cọc GPMB	200.000.000		128.774.000	128.774.000	-71.226.000
4	Thiết kế bản vẽ thi công-DT	367.692.000		364.445.000	364.445.000	-3.247.000
5	Lập HSMT, đánh giá HSDT gói thầu xây lắp và bảo hiểm công trình	65.228.000	QĐ số 1420/QĐ-UBND ngày 30/6/2020 của Chủ tịch UBND huyện Thường Xuân	65.228.000	65.228.000	0
6	Lập HSMT, đánh giá HSDT gói thầu Tư vấn khảo sát, lập Báo cáo NCKT	6.124.000	QĐ số 245/QĐ-UBND ngày 13/02/2020 của Chủ tịch UBND huyện Thường Xuân	6.124.000	6.124.000	0
7	Lập HSMT, đánh giá HSDT các gói thầu Tư vấn đầu tư xây dựng	16.171.000	QĐ số 1420/QĐ-UBND ngày 30/6/2020 của Chủ tịch UBND huyện Thường Xuân	16.171.000	16.171.000	0

STT	Hạng mục chi phí	TMĐT đã phê duyệt	Điều chỉnh TMĐT			Chênh lệch tăng (+), giảm (-)
			Diễn giải	Cập nhật dự toán, chi phí	Giá trị điều chỉnh	
8	Lập nhiệm vụ khảo sát, giám sát công tác khảo sát bước lập BCNCKT	44.386.000	QĐ số 265/QĐ-UBND ngày 17/01/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh	44.386.000	44.386.000	0
9	Lập nhiệm vụ khảo sát, giám sát công tác khảo sát bước TK BVTC	32.576.000	QĐ số 3048/QĐ-UBND ngày 31/07/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh	55.711.000	55.711.000	23.135.000
10	Thẩm định HSMT, HSYC các gói thầu	33.313.000	QĐ số 4522/QĐ-UBND ngày 20/10/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh	17.890.000	17.890.000	-15.423.000
11	Thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	16.656.000		17.890.000	17.890.000	1.234.000
12	Giám sát thi công xây dựng	791.068.000	QĐ số 103/QĐ-UBND ngày 15/01/2021 của Chủ tịch UBND huyện Thường Xuân	880.858.000	880.858.000	89.790.000
13	Lập kế hoạch bảo vệ môi trường	100.000.000	QĐ số 1979/QĐ-UBND ngày 15/9/2020 của Chủ tịch UBND huyện Thường Xuân	98.904.000	98.904.000	-1.096.000
14	Lập TMĐT điều chỉnh (tạm tính)		30.291.570.000 x 0,12 0,584%		22.944.000	22.944.000
V	Chi phí khác	555.089.000		830.193.000	883.000.000	327.900.000
1	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	125.237.000	54.966.921.000 x 0,279%	120.787.000	153.380.000	28.143.000
2	Bảo hiểm công trình	75.657.000	37.116.909.091 x 1,1x 0,250%	81.885.000	102.072.000	26.415.000
3	Phí thẩm định thiết kế BVTC	26.411.000	QĐ số 4522/QĐ-UBND ngày 20/10/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh	13.846.000	13.846.000	-12.565.000
4	Phí thẩm định dự toán xây dựng	25.311.000		13.399.000	13.399.000	-11.912.000
5	Phí thẩm định Báo cáo NCKT	6.464.000	QĐ số 1814/QĐ-UBND ngày 22/5/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh	6.464.000	6.464.000	0
6	Rà phá bom mìn, vật nổ	262.665.000	QĐ số 363/QĐ-UBND ngày 04/3/2021 của Chủ tịch UBND huyện Thường Xuân	560.468.000	560.468.000	297.803.000
7	Kiểm tra của cơ quan chuyên môn về xây dựng trong quá trình thực hiện	33.344.000	QĐ số 1814/QĐ-UBND ngày 22/5/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh	33.344.000	33.344.000	0
VI	Chi phí dự phòng	4.344.559.000		.688.090.000	2.511.700.000	-1.832.850.000
1	Dự phòng cho khối lượng phát sinh	3.605.443.000	35.627.393.000 x 5,00%	923.942.000	1.781.370.000	-1.824.073.000
2	Dự phòng cho yếu tố trượt giá	739.116.000	35.627.393.000 x 2,05%	764.148.000	730.330.000	-8.786.000
TỔNG CỘNG (làm tròn)		40.398.985.000	(I+II+III+IV+V+VI)	44.854.965.000	54.007.000.000	13.608.000.000